|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 1904/QĐ-UBND | *Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 7 năm 2017* |

**QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*63/2010/NĐ-CP*](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=63/2010/N%C4%90-CP)*ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số*[*48/2013/NĐ-CP*](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=48/2013/N%C4%90-CP)*ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số*[*05/2014/TT-BTP*](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=05/2014/TT-BTP)*ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Văn bản số 1276/SYT-VP ngày 30/6/2017; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số*[*408/STP-KSTT*](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=408/STP-KSTT)*ngày 28/6/2017,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Công bố kèm theo Quyết định này 64 (*sáu mươi tư*) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh.

(Có danh mục và nội dung TTHC kèm theo)

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế tất cả các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm tại các Quyết định: Số 2519/QĐ-UBND ngày 30/6/2015, số [3768/QĐ-UBND](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=3768/Q%C4%90-UBND)ngày 29/9/2015,  số [1470/QĐ-UBND](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=1470/Q%C4%90-UBND) ngày 9/6/2016; bãi bỏ các thủ tục hành chính có số thứ tự  4, 5, 6, 7, 8, 9 thuộc lĩnh vực y tế dự phòng tại Quyết định số [1470/QĐ-UBND](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=1470/Q%C4%90-UBND) ngày 9/6/2016 của UBND tỉnh.

**Điều 3.**Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành liên quan; Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;- Trung tâm CB-TH (đăng tải);- Lưu: VT, NC, KGVX1;- Gửi:+ Bản giấy: TP không nhận được VB điện tử;+ Bản điện tử: Các thành phần khác. | **KT. CHỦ TỊCHPHÓ CHỦ TỊCHĐặng Quốc Vinh** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ......./QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Trang** |
| **I. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh** |
| 1. | Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam |   |
| 2. | Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề |   |
| 3. | Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh |   |
| 4. | Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh |   |
| 5. | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc bị hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a,b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh |   |
| 6. | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh |   |
| 7. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sát nhập. |   |
| 8. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với bệnh xá thuộc lực lượng Công an nhân dân |   |
| 9. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa |   |
| 10. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa |   |
| 11. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền |   |
| 12. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm |   |
| 13. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X-Quang |   |
| 14. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh |   |
| 15. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng |   |
| 16. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp |   |
| 17. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp |   |
| 18. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà |   |
| 19. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh |   |
| 20. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc |   |
| 21. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá |   |
| 22. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm |   |
| 23. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |   |
| 24. | Điều chỉnh Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn |   |
| 25. | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |   |
| 26. | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền |   |
| 27. | Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả |   |
| 28. | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |   |
| 29. | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế |   |
| 30. | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A |   |
| 31. | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D |   |
| 32. | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện |   |
| 33. | Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự |   |
| 34. | Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất |   |
| 35. | Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ |   |
| 36. | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng |   |
| 37. | Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng |   |
| 38. | Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế |   |
| 39. | Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế |   |
| 40. | Công bố cơ sở  phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, II |   |
| 41. | Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage) |   |
| 42. | Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ |   |
| 43. | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh |   |
| 44. | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. (Trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo còn hiệu lực nhưng có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra thị trường và không thay đổi nội dung quảng cáo) |   |
| 45. | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng |   |
| 46. | Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền |   |
| 47. | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp |   |
| 48. | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp |   |
| 49. | Cấp giấy chứng nhận là lương y |   |
| 50. | Cấp lại giấy chứng nhận là lương y |   |
| 51. | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế |   |
| 52. | Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm |   |
| 53. | Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |   |
| 54. | Cho phép đoàn trong nước, nước ngoài khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo. |   |
| 55. | Cho phép đối với cá nhân trong nước, nước ngoài thực hiện khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo. |   |
| 56. | Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |   |
| 57. | Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS |   |
| **II. Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm** |
| 1. | Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế |   |
| 2. | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế |   |
| 3. | Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế |   |
| 4. | Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) trong lĩnh vực y tế |   |
| 5. | Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất) hoặc Cấp giấy xác nhận bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật sản xuất trong nước (trừ thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng) trong lĩnh vực y tế |   |
| 6. | Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế |   |
| 7. | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc quản lý của ngành y tế như sau: nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên; phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thuộc lĩnh vực y tế |   |